

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-6-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Bình.
2. Bà Trần Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lư Văn Đ - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai - có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu B - Sinh năm: 1979; Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn.

2. Bị đơn: Chị Phùng Thị G - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai - vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2019 và bản tự khai ngày 27/3/2019 cũng như tại phiên tòa, anh Lư Văn Đ trình bày:

Anh và chị G chung sống như vợ chồng từ cuối năm 2011, đến ngày 05/4/2012 anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Lào

Cai. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị G không chung thủy, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị G không nghe. Anh chị xảy ra cãi nhau nên chị G tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Khe Hoi, xã Phú Nhuận từ năm 2013, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phùng Thị G.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Lư Hồng K - Sinh ngày: 31/7/2012, hiện tại cháu phát triển bình thường và đang sống cùng anh từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Anh Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu để ổn định cuộc sống và đảm bảo cho cháu học tập và không yêu cầu chị G cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Đ không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có ý kiến trả lời về việc anh Lư Văn Đ xin ly hôn.

Đối với vụ án này Tòa án không hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung vì vắng mặt bị đơn. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung trong văn bản của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa cũng thống nhất với ý kiến mà anh Đ đã trình bày. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật hôn nhân gia đình, xử cho anh Lư Văn Đ được ly hôn với chị Phùng Thị G, giao cháu Lư Hồng Kim cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh Đ và chị G không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật: về thủ tục Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và giải quyết trong thời hạn luật định.

Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng; Bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử cho anh Lư Văn Đ được ly hôn với chị Phùng Thị G; xử giao cháu Lư Hồng Kim cho anh Đ nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; do anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết; tuyên án phí và quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lư Văn Đ khởi kiện xin ly hôn với chị Phùng Thị G và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Các đương sự đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lư Văn Đ và chị Phùng Thị G là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên mâu thuẫn càng sâu sắc, cuộc sống không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị G đã về nhà bố mẹ sinh sống nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa, anh Đ giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị G. Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị G vắng mặt vì vậy Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cũng lập biên bản làm việc với bố mẹ đẻ chị G, gia đình chị G cũng xác nhận anh chị có mâu thuẫn và chị G đã biết việc anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên do điều kiện công việc nên chị không về được, chị và gia đình nhất trí việc anh Đ xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung và không có ý kiến gì khác. Mâu thuẫn của vợ chồng anh Đ đã được địa phương xác nhận là đúng sự thật, vì vậy việc anh Đ xin ly hôn với chị G là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Lư Hồng K- Sinh ngày: 31/7/2012. Hiện nay cháu phát triển bình thường và đang do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Anh Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu và đã có đơn xin xác nhận mức thu nhập của bản thân đảm bảo điều kiện nuôi con. Hơn nữa chị G vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, vì vậy cần giao cháu Lư Hồng K cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Đ không yêu cầu chị G cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Đ xác nhận vợ chồng anh không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự ; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và

gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử cho anh Lư Văn Đ được ly hôn với chị Phùng Thị G.
2. Về con chung: Xử giao cháu Lư Hồng K - Sinh ngày 31/7/2012 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Phùng Thị G không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Phùng Thị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lư Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007917 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- UBND xã P;
- Đường sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- UBND xã Phú Nhuận;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

